Phương Pháp Luận: Áp dụng luận của triết học Lý Đông A

Đỗ Thái Nhiên

Lý luận triết học chỉ có giá trị khi nó phù hợp với thực tại, khi nó thực chứng được sự gắn bó giữa tri và hành. Gắn bó giữa tri và hành tức là gắn bó giữa lý luận triết học và áp dụng của lý luận. *Lý luận triết học là tri, áp dụng luận là hành*. Tri mở đường cho hành. Hành giúp cho tri càng lúc càng cao và rộng. Tri càng cao rộng, hành càng chính xác và thích nghi. Cứ như thế, tri hành hỗ tương tác động để tri hành phát triển viên mãn. Tri là thể, là tính. Hành là dụng, là mệnh.

I.- LÝ ĐÔNG A SỬ QUAN

Một trong những hiệu ứng quan trọng hàng đầu của lý luận triết học là lịch sử quan. Sử quan có được do sự vận dụng lý luận triết học của Lý Đông A, gọi là Lý Đông A sử quan hay Duy Dân sử quan.

A .- Nguyên động lực của lịch sử

Vào buổi bình minh của văn hóa loài người, sử học chỉ là một môn học ghi chép lại tất cả những hiện tượng liên hệ tới thăng trầm của dòng sống Người: Ghi chép không giải thích, không lý luận được cho là ghi chép khách quan. Khách quan theo kiểu không cần biết chân lý bên này núi và bên kia núi khác nhau. Thế rồi, với đà phát triển của nhân văn, loài người bắt đầu nhận ra vạn vật tuy muôn hình vạn trạng nhưng nhất thể. Vạn vật thường hằng sinh sinh hóa hóa nhưng có quy luật và có cơ cấu. Vì vậy, muốn phản ảnh thực tại của xã hội, con người không thể chỉ ghi nhận cái vẻ bề ngoài của sinh hoạt xã hội đó. Đứng trước một hiện tượng xã hội, người ta phải tìm hiểu những liên hệ giữa nguyên nhân, thực trạng và hậu quả của hiện tượng đó theo mắt nhìn biện chứng. Liên hệ biện chứng là liên hệ có thể chứng minh, giải thích và biện luận trên căn bản lấy thực tại làm điểm chuẩn duy nhất cho chân lý. Liên hệ biện chứng là sự phủ nhận mạnh mẽ và dứt khoát mọi lề lối lý giải hiện tượng sống theo kiểu tiền hậu bất nhất, theo kiểu định mệnh chủ nghĩa, theo kiểu tình cờ của lịch sử. Liên hệ biện chứng cũng là một phản kháng gay gắt sự đồng hóa vận động và phát triển của loài người (tức là lịch sử) với vận động và phát triển của một bầy động vật.

Do những nhận định kể trên, sự ra đời của triết học Lý Đông A đã làm thay đổi hướng khảo cứu của sử học. Sử học chuyển mình từ sử ký sang sử quan biện chứng: Do đâu bánh xe lịch sử chuyển động? Chuyển động theo quy trình nào? Và chuyển động đi về đâu? Sử quan biện chứng bao giờ cũng gắn liền với bản thể, nhận thức, và phương pháp của hệ thống lý luận biện chứng. Vì vậy, sử quan của Lý Đông A là lời khẳng định: Con người là chủ thể duy nhất làm cho bánh xe lịch sử chuyển động. Nói một cách chính xác hơn: **Mọi cố gắng nhằm bảo vệ và phát triển nhân đạo là nguyên nhân làm bánh xe lịch sử chuyển động**.

Bằng vào sự vận dụng những quy luật triết học, bằng vào sự suy nghiệm về thực tiễn của đời sống, chúng ta có thể kết luận: Nhân Đạo là đường sống của con người. Đường sống này được hình thành bởi ba yếu tố nhân bản, nhân tính và nhân chủ.

1/. Nhân bản: Tất cả những hiện tượng do con người tạo ra và có ảnh hưởng đến đời sống của con người đều phải bởi người và vì người. Nhà bác học Pavlov làm thí nghiệm phản xạ có điều kiện trên một con chó. Sau đó, người Cộng Sản lấy kết quả của thí nghiệm này để áp dụng vào ngành thông tin tuyên truyền của xã hội loài người. Đây là một thí dụ điển hình về những hành động phi nhân bản.

2/. Nhân tính gồm bốn yếu tính:

a) Sắc tính: Tính phát triển và duy trì nòi giống. Sắc tính của người phải lấy *Trinh* làm chuẩn. Trinh là lòng trung thành song phương giữa Nam và Nữ trong đời sống hôn nhân.

b) Nhu yếu tính: Tính thỏa mãn mọi nhu yếu tinh thần cũng như vật chất. Nhu yếu tính của Người phải lấy *Bình* làm chuẩn. Bình là bình đẳng về cơ hội. Bình trong nhu yếu tính đòi hỏi không có người nào bị chèn ép trên con đường thỏa mãn nhu yếu.

c) Tự vệ tính: Tính vô hiệu hóa nguồn gốc tấn công. Loài người tự vệ bằng cách dùng ngôn ngữ để nghị hòa với kẻ tấn công. Vì vậy tự vệ tính của Người phải lấy *Hòa* làm chuẩn.

d) Xã hội tính: Tính hướng tha, tính hỗ tương giữa Người với Người. Liên hệ giữa động vật với động vật là liên hệ bầy đàn. Liên hệ giữa Người với Người là liên hệ hài hòa, liên hệ cơ năng bản vị hỗ tương nguyên nhân. Vì vậy xã hội tính của Người phải lấy *Cơ Năng Bản Vị* làm chuẩn.

3/. Nhân chủ: Nếu nhân bản và nhân tính bao giờ cũng được xã hội tôn trọng thì con người có khả năng làm chủ chính mình, hòa cùng muôn nhiên và chủ động với sinh hoạt xã hội. Đó là ý nghĩa của nhân chủ.

Nhân bản, nhân tính và nhân chủ là cấu trúc căn bản của Nhân Đạo. Nhìn vào dòng tâm sinh mệnh của loài người, chúng ta thấy: Con người đã, đang và sẽ phải phản ứng mỗi khi Nhân Đạo bị xâm phạm. Nói cách khác, ở đâu nhân tính bị chà đạp (sắc tính không trung thành, nhu yếu tính không bình, tự vệ tính không hòa, xã hội tính không cơ năng bản vị); ở đâu nhân bản bị lãng quên, nhân chủ không được tôn trọng, thì ở đó con người sẽ phản kháng. Và phản kháng làm chuyển động bánh xe lịch sử. Đó là trọn vẹn nội dung cốt lõi của Lý Đông A Sử Quan.

Lý Đông A sử quan là sự nhận chân được nguồn gốc và cứu cánh của lịch sử. Lý Đông A sử quan là mắt nhìn lịch sử được khám phá từ những tư duy đặt trên nền tảng tự nhiên, tư tưởng, xã hội thống nhất, tức là vũ trụ quan, nhân sinh quan và chính trị quan thống nhất. Do thống quan vừa nói, Lý Đông A sử quan có khả năng giúp con người giải thích được quá khứ của lịch sử, nhận chân được hiện tượng và bản chất của thực tại lịch sử, tiên liệu được hướng đi của lịch sử. Xin đừng hiểu lầm nhân đạo sử quan chỉ cần thiết đối với sử gia hoặc chính trị gia. Lý Đông A sử quan còn là những hiểu biết phổ quát và cực kỳ cần thiết cho mọi người trong mọi giao dịch thường ngày. Giao dịch có đúng hướng hay không? Giao dịch có ổn định và bền vững hay không? Giao dịch bao gồm sự giao dịch giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể và giữa tập thể với nhau. Nhân đạo sử quan là nơi chất chứa đáp số chính xác của các bài toán thuộc mọi loại giao dịch. Giao dịch sản sinh ra phản ứng. Phản ứng tạo ra lịch sử.

B.- Các thời kỳ của lịch sử

Kiểm nghiệm dòng giao dịch giữa người với người thông qua thời gian và không gian với đầy đủ hỉ, nộ, ái, ố, lạc, dục, mang những điều kiểm nghiệm kia ra so chiếu với phần lý luận triết học Lý Đông A về dòng sống của loài người (Nhân Đạo), Duy Dân sử quan khám phá ra: Lịch sử loài người được phân ra làm bốn thời kỳ:

*** Thời kỳ nhân đạo sơ khai**: Trong thời kỳ này, con người chưa nhận ra sự khác biệt giữa người với tự nhiên giới. Con người sinh sống như

một loài động vật, cũng ăn tươi nuốt sống, cũng trú ẩn trong hang lạnh, núi sâu v.v... Thời kỳ này còn gọi là thời kỳ Duy Nhiên (nguyên thủy).

*** Thời kỳ nhân đạo thành lập**: Con người bắt đầu nhận ra những khác biệt sâu sắc giữa đời người và kiếp vật. Trong khác biệt đó, con người thường xuyên phải đương đầu với những khó khăn của nhiên giới để sinh tồn. Song song với cuộc đương đầu triền miên này, con người cần tìm đến thần linh để cầu xin những che chở cần thiết. Tín ngưỡng bắt đầu xuất hiện từ thời kỳ này, và con người bắt đầu nhận biết phạm trù Người. Thời kỳ này được gọi là thời kỳ Duy Nhân: Con người xuất phát tối sơ, xã hội tự tính.

*** Thời kỳ Nhân Đạo tăng tiến**: Sau khi nhận biết phạm trù Người, con người tiến thêm một bước nữa bằng ý thức: sự kết hợp giữa người với người là chìa khóa của thực tiễn sinh tồn. Do ý thức này, xã hội người thành hình. Thế nhưng, ngay sau khi sự thành hình của xã hội người, loài người đã phải lao mình vào những cuộc tranh cãi gay gắt, những cuộc đấu tranh tràn ngập máu xương để tìm cho ra đáp số của bài toán: Thế nào là một xã hội hạnh phúc?

Hạnh phúc là hàng rào ngăn cách giữa chủ nô và nô lệ ư? Hạnh phúc là ngai vàng của vua chúa ư? Hạnh phúc là một thiểu số tư bản giàu có nắm quyền khống chế xã hội ư? Hạnh phúc là búa liềm trên nền máu đỏ ư? Hạnh phúc là tự do bầu cử, ứng cử đi kèm với tự do truyền thông bóp méo của tài phiệt ư?... Thời kỳ Nhân Đạo tăng tiến là thời kỳ loài người lấy hạnh phúc của người dân trong các loại mô thức xã hội khác nhau làm mục tiêu đấu tranh. Vì vậy, thời kỳ này còn gọi là thời kỳ Duy Dân.

*** Thời kỳ Nhân đạo ổn định**: Sau một thời kỳ lâu dài nhân danh hạnh phúc của người dân, con người đã chìm nổi trong những tha hóa triền miên: Tha hóa bởi rất nhiều tà thuyết ngụy nghĩa, tha hóa bởi rất nhiều hư danh ảo vọng... Cuối cùng, con người sẽ nhận ra một chân lý đơn giản: Hạnh phúc của người, vận mệnh của người ở ngay trong tay người chứ không ở bên dưới búa liềm, cũng không ở ổ khóa kho tiền của giới tài phiệt. Hạnh phúc của Người chính là quan hệ hài hòa giữa người với người thông qua sự tôn trọng và phát triển Nhân Bản, Nhân Tính và Nhân Chủ. Cho đến bao giờ đa số loài người nhận biết được chân lý đơn giản vừa kể để người trở về với người, người bao giờ cũng hành động bởi người và vì người, người bao giờ cũng thể hiện được nhân tính cao cả, người bao giờ cũng có khả năng tự

thắng, có khả năng chủ động đối với sinh hoạt xã hội cũng như chế phục được tự nhiên, lúc bấy giờ nhân loại sẽ bước vào thời kỳ Nhân Đạo ổn định. Nhân Đạo ổn định chính là bến bờ hạnh phúc của loài người.

Tuy nhiên, nhân đạo ổn định không là điểm dừng chân của lịch sử. Vận động của lịch sử là sự thăng trầm bất tận giữa nhân đạo ổn định và nhân đạo bất ổn định. Nghĩa vụ của mỗi cá nhân đối với lịch sử là vừa thường xuyên bảo vệ nhân đạo ổn định, vừa nỗ lực đấu tranh tái lập nhân đạo ổn định trong trường hợp nhân đạo bị quấy phá.

II.- THỜI CƠ LUẬN

"Ai ơi ghi nhớ lấy lời,
Trông cơ trời đất, liệu thời làm ăn".

Vận dụng phần quy luật triết học đi kèm với Duy Dân Sử Quan, tác giả Lý Đông A viết ra khoa THỜI CƠ LUẬN.

Thời là thời gian. Cơ là cơ hội. Cơ hội chính là không gian. Tất cả hiện tượng trong đời sống chẳng là gì khác hơn là sự kết hợp giữa không gian và thời gian.

Tại một điểm trên một dòng sông, chúng ta không thể tắm hai lần. Lý do: Lưu lượng nước trên sông thường hằng di chuyển theo thời gian. Tính gắn bó giữa không gian và thời gian đã chỉ ra rằng muốn cho một hiện tượng sống được thành hình, phát triển và ổn định, con người phải tôn trọng luật tắc "thời gian nào đi với không gian đó" (thời không nhất phiến). Mùa đông, chúng ta mặc áo ấm. Mùa đông là thời gian, áo ấm là không gian. Mỗi lần thời gian (thời) và không gian (cơ) bắt tay nhau theo đúng ý nghĩa "thời nào thì cơ đó", chúng ta có một thời cơ.

A.- Luận Về Cơ

Lịch sử là một đấu tranh bất tận giữa lực và phản lực, giữa nô lệ và chủ nô, bị trị và thống trị, dân chủ và độc tài... Mỗi cuộc đấu tranh được biểu diễn bằng một hình trôn ốc. Đây là họa đồ diễn ý: đấu tranh trên dòng sử bao giờ cũng xuất phát từ một biến cố, đó là đỉnh của hình trôn ốc. Hãy đặt đỉnh của trôn ốc lên mặt đất, đáy trôn ốc nhìn trời. Từ đó chúng ta thấy đấu tranh xuất phát từ đỉnh của hình trôn ốc rồi mở rộng dần lên, cả lượng và chất

theo vòng xoáy của trôn ốc. Rất nhiều trường hợp cuộc đấu tranh phải gần như dậm chân tại chỗ để đôi bên cân đo lại liều lượng của các đụng độ hoặc để thay đổi trận đồ của công cuộc đấu tranh. Mỗi dậm chân tại chỗ kia là một nút kết, một hình trôn ốc nhỏ nằm rải rác trên hình trôn ốc lớn. Cứ như thế lịch sử vận hành cho đến khi hình trôn ốc lớn tiến vào tình huống ly nước đã đầy, chỉ còn chờ giọt-nước-sau-cùng rơi xuống là nước tràn ly. **Ly nước đầy là CƠ của lịch sử. Thời điểm giọt nước sau cùng chạm ly nước đầy là THỜI của lịch sử**.

Để hiểu biết về cơ một cách cụ thể, chúng ta hãy nhìn vào hiện sử Việt Nam nhằm theo dõi những diễn biến của lịch sử thông qua bốn hình thái:

1) Đương biến: Ngay sau 30/04/1975, CSVN áp đặt trên toàn lãnh thổ Việt Nam chế độ độc tài toàn trị. Tính chất độc tài có thể được xác định bằng nhiều khía cạnh. Khía cạnh độc tài hiển nhiên nhất của CSVN là chế độ này tước đoạt quyền tự do ứng cử và bầu cử của người dân. Trong khi đó, Duy Dân Sử Quan đã minh chứng: Hướng tiến của lịch sử là hướng tiến tìm về tự do dân chủ. Điều này cho thấy chế độ CSVN đang lội ngược dòng lịch sử. Sự việc "lội ngược" tự nó đã hàm chứa tính phi chính nghĩa. Thế chính nghĩa là thế của quần chúng đòi hỏi tự do dân chủ. Thế chính nghĩa ngày càng lôi cuốn đông đảo quần chúng. Từ đó thế sản sinh ra lực. Cuộc va chạm giữa chính nghĩa và phi chính nghĩa được gọi là đương biến.

2) Thuế biến: Vốn là tác-nhân tạo ra thế tàn, CSVN thừa biết họ đang di chuyển trên con đường phi chính nghĩa. Nhằm tránh né các thế và lực chống đối từ quần chúng, CSVN đã đưa ra rất nhiều chiêu bài, điển hình là chiêu bài dân tộc và chiêu bài hòa hợp hòa giải. Song song với các chiêu bài có gian ý che mờ con đường phi chính nghĩa, CSVN còn kín đáo ru ngủ quần chúng bằng cách tạo điều kiện để tệ đoan xã hội các loại được phát triển. CSVN tin rằng ngụp lặn trong tệ đoan xã hội, người dân sẽ xao lãng công cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ. Tất cả những chiêu bài, những ru ngủ vừa nêu nằm trong âm mưu thay hình đổi dạng (nhưng không thay đổi bản chất) để giúp chế độ CS tồn tại: Thuế biến. Thuế là khả năng lột xác của ve sầu, rắn, rết...

3) Tiệm biến: Hiện tình chính trị Việt Nam là một cuộc đấu tranh lẫn nhau giữa hai bên, bên này là quần chúng bị trị thường xuyên chống đối bạo quyền bằng mọi loại sức ép chính trị, kể cả hiểm họa bùng nổ của sức mạnh

quần chúng. Bên kia là giới thống trị với qủy thuật thuế biến nhằm kéo dài đời sống của chế độ độc tài. Thuế biến kéo dài gọi là tiệm biến. Mỗi lần nhà cầm quyền độc tài thành công trong một trường hợp đàn áp quần chúng, tức là họ đã đạt được một chiến thắng. Nhưng chiến thắng này chỉ là chiến thắng phi chính nghĩa, chiến thắng của kẻ cướp, chiến thắng tạm thời. Mỗi chiến thắng tạm thời là một tội ác, là một giọt nước rơi vào ly nước lịch sử. Chừng nào ly nước đầy, chừng nào sức chịu đựng của quần chúng vượt làn ranh đỏ, chừng đó hình thái tiệm biến chấm dứt.

4) Biến: "Cùng tắc biến". Biến là lịch sử sang trang. Biến là ly nước tràn. Ly nước đầy là CƠ. Thời điểm giọt nước sau cùng chạm ly nước đầy là THỜI.

B.- Luận Về Thời

Như đã trình bày trong phần "luận về cơ", thông thường, mỗi lần lịch sử sang trang, lịch sử phải di chuyển theo một quy trình xuyên qua bốn hình thái: Đương biến, thuế biến, tiệm biến, biến. Cả bốn hình thái này đều nằm trên hình trôn ốc có nút kết. Mỗi nút kết là một hình trôn ốc nhỏ nằm trên hình trôn ốc lớn. Một cách chung nhất bốn hình trôn ốc nhỏ kia là đương biến, thuế biến, tiệm biến và biến. Chiến sĩ phục vụ lịch sử phải biết vận dụng quy luật triết học LĐA với sự chỉ hướng của sử quan Duy Dân để:

Một là khuếch đại cường độ của các hình trôn ốc nhỏ.

Hai là kích hoạt để lịch sử nhanh chóng chuyển dịch từ trôn ốc đương biến qua trôn ốc thuế biến rồi tiệm biến và biến.

Ba là nhận biết một cách chính xác tới mức độ nào ly nước lịch sử được xem là đã đầy tức là cơ của lịch sử đã hiện hình.

Bốn là tạo ra giọt nước sau cùng đủ mạnh để giọt nước này chạm vào ly nước đầy, vào cơ của lịch sử một cách kịp thời. Từ đó THỜI và CƠ hội ngộ, lịch sử sang trang.

Như vậy, quy luật triết học LĐA và Duy Dân sử quan là công cụ giúp chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ nhân quyền vừa không lạc đường trên quy trình đương biến, thuế biến, tiệm biến và biến, vừa không cho phép chế độ độc tài kéo dài tiệm biến. Đó là kỹ thuật và nghệ thuật tổ chức và điều động cơ và thời. Những trình bày vừa kể là nội dung cốt lõi của khoa THỜI CƠ LUẬN.

III.- VĂN MINH LUẬN

Duy Dân Sử Quan khẳng định: Lịch sử của loài Người là lịch sử xây dựng một xã hội càng ngày càng Người hơn. Người hơn chính là văn minh hơn. Nhưng nội dung của văn minh là gì để cho văn minh có nghĩa là Người hơn? Trái nghĩa với văn minh là dã man. Dã man là hoàn cảnh sống, trong đó đời Người và kiếp vật không có ranh giới rõ rệt. Vì vậy văn minh chính là khoảng cách về nội dung đời sống giữa Người và động vật. Vận dụng phần lý luận triết học của chủ nghĩa Lý Đông A, người ta có thể luận về văn minh bằng nhiều cách khác nhau nhưng những phương cách này bao giờ cũng qui về một mối: Đối tượng tối cao là Người.

A. Văn Minh Hạch Tâm Thể

Tương quan giữa động vật với động vật là tương quan mạnh được yếu thua. Vận động và phát triển theo kiểu mạnh được yếu thua đã đẩy động vật mạnh nhất ngự trị ở đỉnh kim tự tháp và động vật yếu nhất ở đáy kim tự tháp. Kiến trúc của xã hội động vật là kiến trúc kim tự tháp.

Tương quan giữa Người với Người là tương quan đồng nhân, tương quan hòa hài. Muốn tiến đến tương quan hài hòa, loài Người phải nỗ lực xóa bỏ tương quan thống trị và bị trị. Do vậy loài Người phải vận dụng học thuyết cơ năng bản vị để cải tạo kiến trúc xã hội: Phá bỏ kiến trúc kim tự tháp, xây dựng kiến trúc hạch tâm trong toàn bộ cơ cấu xã hội. Tổ chức cộng đồng, xuất phát từ văn hóa cộng đồng. Văn hóa cộng đồng chính là văn hóa có nội dung Nhân Bản, Nhân Tính, Nhân Chủ, được hỗ trợ tích cực bởi học thuyết cơ năng bản vị.

Thực hiện một xã hội có kiến trúc hạch tâm tức là đạt đến văn minh hạch tâm thể. Nói cách khác, văn minh hạch tâm thể giải trừ tận gốc tệ nạn thống trị và bị tri. Xã hội vận hành trong tự do nhưng rất cơ cấu và ổn định.

B.- Văn Minh Tự Giác

Động vật chỉ có sinh hoạt sinh lý: Sinh lý nội tại và sinh lý ngoại ứng. Sinh lý ngoại ứng là những sinh hoạt sinh lý mà động vật có được do những tác động từ bên ngoài.

Người khác với động vật ở chỗ sinh hoạt của Người bao giờ cũng có sự tham dự của tâm lý. Nói rõ hơn, trong Người, tâm lý và sinh lý thường hằng gắn bó với nhau. Tâm sinh lý của Người lại có hai trình độ:

1). Tâm sinh lý tha hóa: Là những hoạt động tâm sinh lý có được vì bị tác động từ bên ngoài. Tôi hành động vì nghe theo quảng cáo thổi phồng, tuyên truyền xuyên tạc, giáo dục bóp méo, tức là tôi thể hiện tâm sinh lý tha hóa trong tôi. Tâm sinh lý tha hóa đồng dạng với sinh lý ngoại ứng ở chỗ cả hai hoạt động này đều có nguồn gốc là những tác động từ bên ngoài. Người văn minh là người không chấp nhận những hành vi tâm sinh đồng dạng với sinh lý của động vật.

2). Tâm sinh lý tự giác: Tự giác là tự mình hiểu và tự mình hành động. Mình là Người. Vậy tự mình tức là tự Người. Mình phải suy nghĩ và hành động trên lập trường người.

Tâm sinh lý tự giác là những hoạt động tâm sinh lý có được đầy đủ ba yếu tố Nhân Bản, Nhân Tính, Nhân chủ... Nói rõ hơn, tâm sinh lý tự giác là loại tâm sinh lý có được khi một người tự hiểu và tự vận dụng biện chứng Nhiên Nhân Dân để hành động trong mục tiêu làm cho người này có thể chủ động đối với chính đương sự, đối với muôn nhiên và đối với xã hội. Người hành động như vừa kể gọi là người đạt đến văn minh tự giác.

Trong ngôn ngữ tuyên truyền của Cộng Sản, rất nhiều khi người ta nghe người Cộng Sản dùng chữ tự giác. Đây là lối dùng chữ không nghiêm chỉnh. Những người Cộng Sản là những người hoàn toàn bị tha hóa bởi Marx, bởi vật chất, bởi giai cấp, bởi đảng. Cộng Sản không bao giờ có thể suy nghĩ trên căn bản bởi Người và vì Người. Cộng Sản đã đánh mất chữ "tự". Cộng Sản chỉ có thể giác thông qua giáo dục bóp méo của Marx và của đảng. Ôm lấy chủ nghĩa Marx tức là trọn đời sống trong vòng tâm sinh lý tha hóa, trọn đời bị tha hóa bởi tư tưởng Duy Vật, không thể tiến đến gần ánh sáng của văn minh tự giác.

C.- Văn Minh Tự Nhiên Hòa

Qui luật của biện chứng Duy Dân đã nói về ý nghĩa của tự nhiên hòa và tự nhiên hóa. Chỉ có tự giác mới giúp loài người nhận biết được nguy cơ của tự nhiên hóa. Chỉ có tự giác mới giúp con người thấy được mâu thuẫn chủ yếu

là mâu thuẫn giữa Người với tự nhiên bất ổn định (còn gọi là tự nhiên hóa). Mâu thuẫn giữa Người với Người chỉ là mâu thuẫn phụ. Giải quyết được mâu thuẫn chính, mâu thuẫn phụ sẽ phải tan biến như một hệ quả tất nhiên. Giải quyết mâu thuẫn chính (mâu thuẫn giữa Người với tự nhiên bất ổn định) tức là tự Người vận dụng quy luật triết học Nhiên, Nhân, Dân, vận dụng những hiểu biết về Triết, Sử, Khoa thống nhất để giải trừ tự nhiên hóa tiến lên tự nhiên hòa. Động vật hoàn toàn thụ động trước những biến động của tự nhiên. Động vật không có khả năng phân loại tự nhiên, khống chế tự nhiên và bắt tự nhiên phục vụ động vật. Vì vậy tự nhiên hòa là nội dung khoảng cách về đời sống giữa Người với động vật. Tự nhiên hòa xứng đáng được gọi là văn minh tự nhiên hòa.

Karl Marx không có ý thức về tự nhiên hóa và tự nhiên hòa. Tự nhiên hóa là tự nhiên bất ổn định: Tự nhiên của loài này xâm lấn vào đời sống tự nhiên của loài kia. Tự nhiên hòa là tự nhiên ổn định: Loài nào sống đúng với tự nhiên của loài đó. **K. Marx chỉ thấy mâu thuẫn giữa Người với Người, chứ không thấy tới mâu thuẫn giữa Người với tự nhiên bất ổn định**. Từ đó Marx nhận định lầm lẫn rằng mâu thuẫn giữa Người với Người là mâu thuẫn chính. Và cũng từ đó Marx xô đẩy loài Người vào cuộc đấu tranh giai cấp tràn ngập máu xương. Đó là ý nghĩa tội ác văn hóa trầm trọng nhất mà Marx đã phạm phải.

D.- Văn Minh Tam Nhân

Văn minh hạch tâm thể, văn minh tự giác và văn minh tự nhiên hòa chẳng qua chỉ là ba kiểu viết khác nhau nhằm diễn tả một nền văn minh duy nhất của loài Người là văn minh Tam Nhân. Văn minh Tam Nhân là nền văn minh có được do loài Người vận dụng biện chứng Nhiên-Nhân-Dân để tổ chức xã hội.

Trong xã hội được tổ chức như vừa kể, Nhân Bản, Nhân Tính, Nhân Chủ gọi tắt là Tam Nhân bao giờ cũng được bảo vệ phát triển. Tuy nhiên, muốn thực hiện lý tưởng Tam Nhân, người ta phải thi hành chính sách Lục Dân:

1.- Dân tộc: phục hưng
2.- Dân đạo: phát dương
3.- Dân sinh: quảng đại
4.- Dân văn: sáng hóa
5.- Dân trị: chính sức

6.- Dân vực: trọn vẹn

Lục Dân là sáu cơ năng của bản vị Dân Tộc. Sáu cơ năng này vận động và phát triển hòa hài tạo thành xã hội dân tộc Tam Nhân. Mỗi dân tộc Tam Nhân lại là một cơ năng của xã hội quốc tế tạo thành quốc tế Tam Nhân. Đó là ý nghĩa khái quát nhất của văn minh Tam Nhân trong xã hội Dân tộc cũng như xã hội nhân loại. Đạt đến văn minh Tam Nhân tức là lịch sử Nhân loại bước vào thời kỳ Nhân Đạo ổn định.

Văn minh luận của chủ nghĩa Lý Đông A đã luận giải rằng: Những sự thể thường được gọi là văn minh Đông, văn minh Tây, văn minh Cổ, văn minh Kim, chẳng qua chỉ là cách nhận diện văn minh trong khung cảnh không gian và thời gian cục bộ. Vượt lên trên văn minh Cổ, Kim, Đông, Tây, con người sẽ nhận biết: Dân tộc tính thống nhất trong nhân loại toàn tính. Do đó, các nền văn hóa dân tộc thống nhất trong văn hóa nhân loại. Văn hóa là diễn trình tiến lên văn minh. Văn minh các dân tộc có điểm hẹn là văn minh nhân loại, còn gọi là quốc tế nhân văn. Nói cách khác, mỗi văn minh dân tộc là một cơ năng, nhân văn quốc tế là bản vị trung tâm.

Nhận diện, bảo vệ, và phát triển quan hệ cơ năng bản vị trên địa bàn văn minh sẽ giúp loài người vượt thoát được những trận chiến văn hóa vừa phi lý vừa tàn khốc. Thảm họa gây ra bởi cuộc va chạm giữa Hồi giáo và thành phần bị gọi là "những kẻ ngoại đạo" hiện nay là một trường hợp điển hình của tệ nạn các nền văn hóa mù lòa trước chân lý cơ năng bản vị, và chân lý tam nhân.

IV. KIẾN THIẾT LUẬN

Lịch sử quan đã cho chúng ta thấy thế nào là xu thế sống của loài Người. Văn minh luận đã cho chúng ta thấy thế nào là văn minh của loài Người. Tuy nhiên, muốn sống thuận xu thế, muốn tiến lên văn-minh-Người chúng ta cần phải tổ chức một xã hội thích nghi. Do đòi hỏi vừa kể, môn kiến thiết luận ra đời.

Kiến thiết luận của chủ nghĩa Duy Dân bao gồm mọi mặt của tổ chức xã hội: Kinh tế, quốc phòng, ngoại giao, giáo dục, hành chánh, luật pháp v.v... Tập tiểu luận này chỉ trình bày quan điểm kiến thiết của Lý Đông A đối với bốn

yếu tố chính tạo thành sinh hoạt xã hội là: Gia đình, kinh tế, giáo dục và luật pháp.

A.- GIA ĐÌNH: Chủ nghĩa Lý Đông A chọn tiểu gia đình làm đơn vị căn bản của xã hội. Đề cao tiểu gia tức là mạnh mẽ đả phá cá nhân chủ nghĩa và tông tộc chủ nghĩa. Tiểu gia là gia đình hạch tâm, chỉ gồm cha, mẹ và con cái. Gia đình hạch tâm lấy quan hệ hòa hài giữa vợ, chồng, con cái làm tiêu chuẩn cho mọi sinh hoạt. Trong gia đình hạch tâm, vai trò của cha, của mẹ, của con cái là vai trò của ba cơ năng. Ba cơ năng này vận động và phát triển lấy quyền lợi của toàn bộ gia đình làm *trung tâm bản vị*. Gia đình hạch tâm theo *bản vị hệ*. Gia đình hạch tâm là miếng đất tiên khởi gieo trồng hạt gống hạch tâm cho toàn bộ xã hội.

Tiểu gia được khai sinh từ ái tình tự do nhưng trong sáng, có sự phê chuẩn của phong tục đúng như tinh thần truyền thống của Bộ Mẹng trong Việt Tộc. Trung thành song phương giữa vợ và chồng là nội dung ổn định của tiểu gia. Đồng thời lòng trung thành song phương này cũng là yếu tố quan trọng hàng đầu của việc bảo vệ tính lành mạnh của chủng tộc. Sự thực hiện một cách tinh vi và trọn vẹn tương quan cơ năng và bản vị trong tiểu gia sẽ là chìa khóa hạnh phúc của gia đình.

Xã hội lấy tiểu gia làm đơn vị căn bản: Phân công, phân lợi, phân mệnh. Bình đẳng đích thực giữa Người với Người chỉ có thể có được khi xã hội thực hiện tam phân (công, mệnh, lợi) trên căn bản tiểu gia.

B.- KINH TẾ: Chính quyền thả nổi trách nhiệm điều hợp sinh hoạt kinh tế tạo điều kiện cho thiểu số tư nhân nắm độc quyền kinh tế đẻ ra chế độ tư bản tư nhân, cá lớn nuốt cá bé là hậu quả tất nhiên của chế độ kinh tế này. Chính quyền nắm giữ toàn bộ quyền lợi kinh tế tạo ra chế độ tư bản nhà nước. Chế độ tư bản nhà nước biến nhà nước thành giới thống trị, quần chúng thành giới bị trị. Nhà nước là chủ nô, quần chúng là nô lệ.

Cả hai hình thái kể trên đều là kinh tế phản xu thế. Phản xu thế vì không tôn trọng đạo kỷ kinh tế và tự kỷ kinh tế của quần chúng trong hoạt động kinh tế. Phản xu thế vì ngược Nhân đạo. Kinh tế thuận xu thế là nền kinh tế tạo điều kiện để mọi người được bình đẳng về cơ hội, về quyền lợi, về nghĩa vụ trong sinh hoạt kinh tế, sinh hoạt hữu sản hóa. Kinh tế thuận xu thế là kinh tế bình sản.

Điều kiện căn bản để xây dựng kinh tế bình sản là xã hội phải thực sự cơ năng hóa toàn diện, nhất là cơ năng hóa trên địa bàn kinh tế. Chính quyền chỉ đóng vai trò điều hợp sinh hoạt kinh tế quốc gia chứ không được phép nắm giữ sinh hoạt này và buộc kinh tế phải vận hành theo ý riêng của chính quyền.

Sau đây là vài tư tưởng hướng dẫn để xây dựng kinh tế bình sản.

* Kinh tế, văn hóa xã hội và chính trị cùng nhau phát triển. Nói rõ hơn, kinh tế, văn hóa xã hội và chính trị là ba cơ năng, toàn bộ sinh hoạt quốc gia là trung tâm bản vị.
* Mọi thành phần tham dự sinh hoạt kinh tế đều được bình đẳng trong chế độ tam phân: Phân công, phân mệnh, phân lợi.
* Phát triển đồng bộ công nghiệp, và nông nghiệp, không dành ưu tiên cho lãnh vực nào.
* Đồng bộ thành thị hóa nông thôn và nông thôn hóa thành thị.
* Chánh quyền điều hợp mọi trường hợp: Sử dụng tư bản, sử dụng sức cần lao, phân phối sản phẩm, trả thù lao cho công nhân. Sinh hoạt như vậy Lý Đông A gọi là sinh hoạt tứ công: Công bản, công lao, công phối, công độ.
* Kinh tế trung ương, kinh tế địa phương, kinh tế xã hội hợp tác, kinh tế tư hữu là bốn cơ năng họp thành bản vị kinh tế quốc gia.
* Guồng máy kinh tế bình sản chỉ thành hình do sự cộng tác giữa giới chuyên viên kinh tế và giới chuyên ngành về lý luận triết học kinh tế của chủ nghĩa Lý Đông A.
* Chữ chánh quyền dùng trong lý luận kinh tế bình sản bao giờ cũng phải được hiểu theo nghĩa chánh quyền đã triệt để cơ năng hóa.
* Trên bình diện quốc gia cũng như quốc tế, kinh tế đơn phương phát triển bao giờ cũng tạo bất ổn cho xã hội. Phát triển kinh tế đồng nghĩa với phát triển toàn xã hội. Đó là luật tắc vạn vật tương quan. Toàn cầu hóa kinh tế nhưng lại từ chối toàn cầu hóa chính trị, văn hóa, y tế, môi sinh, nhân quyền là một toàn cầu hóa tật nguyền. Đó là lý do giải thích tại sao trong những năm vừa qua chương trình toàn cầu hóa kinh tế của các siêu cường quốc vẫn bị nhân dân thế giới chống đối gay gắt.

C.- GIÁO DỤC: Muốn có gia đình hạch tâm, muốn có kinh tế bình sản, vấn đề căn bản vẫn là vấn đề giáo dục.

Giáo dục là khởi điểm và là chung điểm của chính trị.

Chủ thuyết Nhân chủ là nội dung trọng tâm của giáo dục.

Trong mọi lãnh vực, mọi ngành nghề giáo dục bao giờ cũng đẩy mạnh hai mặt: Chuyên môn và nhân cách.

Giáo dục nhằm năm tiêu chuẩn cụ thể: Tim trong, óc sáng, mình nhẹ, tay mạnh, thận vững.

Giáo dục bao giờ cũng được thực hiện trên căn bản: Triết, Sử, Khoa thống nhất.

Giáo dục có các phương châm phổ biến kể sau: *Lấy sinh hoạt làm giáo dục*; *lấy xã hội làm học đường*; *dậy, học, làm thống nhất*. Mọi lứa tuổi đều là đối tượng của giáo dục

D.- LUẬT PHÁP: Pháp trị và Pháp quyền.

"Ở đâu có xã hội, ở đó có luật pháp", muốn xây dựng một xã hội tôn trọng tam nhân, con người cần kiện toàn một hệ thống luật pháp đến với dân, sống với dân, phục vụ dân. Muốn vậy, chúng ta cần phân biệt rạch ròi sự khác biệt như nước với lửa giữa hai chế độ pháp lý: Pháp trị và pháp quyền.

1) Chế độ Pháp Trị (Rule of Law)

a) Bản thể của pháp trị: Đi tìm bản thể của pháp trị tức là đi tìm cội nguồn của luật pháp dưới chế độ pháp trị. Luật pháp là công cụ tổ chức và điều hành sinh hoạt của đất nước. Đất nước là của toàn dân. Vì vậy toàn dân có quyền và có bổn phận làm ra luật pháp để tổ chức xã hội đất nước. Trong thực tế, toàn dân bầu ra quốc hội để cơ chế này thay mặt người dân làm ra luật. Nói một cách ngắn và rõ ràng: Luật pháp phải từ nhân dân mà ra đời. Vì nhân dân mà vận động. Lấy nhân dân làm đối tượng tối cao để phục vụ.

b) Nhận thức luận của pháp trị: Nhận thức về pháp trị tức là trình bày về mối tương quan giữa luật pháp với con người và giữa con người với con người dưới chế độ pháp trị. Muốn hoàn tất vai trò xây dựng và phát triển xã hội, luật pháp phải tạo lập tương quan hòa hài giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể, giữa tập thể với tập thể và giữa dân tộc tính và nhân loại toàn tính. Để có được những quan hệ hòa hài như vừa kể luật pháp phải đứng trên tất cả cá nhân và đoàn thể, kể cả cơ quan công quyền các loại. Nói cách khác toàn dân (bao gồm cả giới lãnh đạo quốc gia) đều phải

nằm dưới sự chi phối của luật pháp, phải tuân phục luật pháp. Không thể có bất kỳ mệnh lệnh nào có thể cao cấp hơn luật pháp.

c) Phương pháp luận của pháp trị: Bản thể luận và nhận thức luận của pháp trị như đã trình bày tổng quan ở trên có hệ quả đưa dẫn loài người tiến tới chế độ dân chủ đại nghị. Tư tưởng căn bản của dân chủ đại nghị là phổ thông đầu phiếu và sự phân nhiệm: Hành pháp, Lập pháp, và Tư pháp. Sau mỗi lần bầu cử, người dân giao khoán việc điều hành quốc gia cho quý vị dân cử. Với thời gian, chế độ đại nghị đã để lộ hai khó khăn. Một là tình trạng dẫm chân lên nhau giữa hành pháp, lập pháp và tư pháp. Hai là trong nhiều trường hợp, dân chủ đại nghị biến thành dân chủ đa số chuyên chế. Nhằm giải trừ hai khó khăn vừa kể, tại ngưỡng cửa của thế kỷ 21, chế độ dân chủ đại nghị (Representative Democracy) đang chuyển mình thành chế độ dân chủ tham gia (Participatory Democracy). Dân chủ tham gia vẫn giữ nguyên cấu trúc của dân chủ đại nghị với sự tham gia đông đảo hơn tích cực hơn của quần chúng. Người dân tham gia vào việc nước bằng cách khuyến cáo hoặc gây sức ép đối với giới cầm quyền thông qua hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (Non Government Organization: N.G.O), những đoàn thể hoạt động tôn giáo xã hội, giới truyền thông báo chí, ngành thăm dò dân ý (Poll). Cuộc biểu tình chống W.T.O. (World Trade Organization) tại Seattle (Washington) vào thời gian từ 11/03 đến 12/05/99 là chỉ dấu rõ ràng nhất, mạnh mẽ nhất của ước vọng Dân Chủ Tham Gia. Nói đến sự hình thành của chế độ dân chủ tham gia chúng ta cần ghi nhận thêm rằng: Khi một tập quán xã hội được pháp lý hóa tức là luật pháp đã ban cấp cho tập quán đó một định chế (Institution). Trong tương lai rất gần chế độ dân chủ tham gia sẽ được quốc gia hoàn hảo hóa bằng những định chế chính trị (Political institution) cần thiết.

Nói tóm lại, chế độ pháp trị là chế độ hoàn hảo nhất. Hoàn hảo bởi lẽ luật pháp của chế độ này do dân mà ra đời, vì dân mà phục vụ. Hoàn hảo còn bởi lẽ chế độ pháp trị vừa chặt chẽ vừa uyển chuyển để có thể theo kịp những đổi thay trong đời sống của người dân. Sự thể chế độ dân chủ đại nghị đang chuyển mình thành chế độ dân chủ tham gia là một thí dụ cụ thể nhất nói lên tính chất uyển chuyển của chế độ pháp trị.

2) Chế độ Pháp Quyền (Rule by Law)

Chúng ta hãy khảo sát chế độ CSVN như một chế độ pháp quyền tiêu biểu.

a) Bản thể luận của pháp quyền: Đất nước bị nắm gọn trong tay của một cá nhân và/ hoặc một tập đoàn độc tài. Chế độ pháp quyền bao giờ cũng mạo nhận danh nghĩa nhân dân để "chế tạo" ra một hệ thống luật pháp nhằm bảo vệ giới thống trị và không chế quần chúng bị trị. Hành động mạo nhận danh nghĩa nhân dân một cách triệt để chính là sự đồng hóa nhà cầm quyền, đảng quyền với tổ quốc. Từ đó cưỡng bách người dân phải bảo vệ giới thống trị ẩn nấp đàng sau tấm bình phong tổ quốc. Chúng ta hãy đọc điều 44 trong hiến pháp 1992 của CSVN "Bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân". Tổ Quốc Việt Nam và Xã Hội Chủ Nghĩa (tức là đảng CSVN) đã bị Cộng Sản nhập chung làm một. Từ đó CSVN trở thành chủ nhân ông tối cao, duy nhất của đất nước. Luật pháp phải từ đảng CSVN mà ra đời, lấy CSVN làm đối tượng tối cao để phục vụ.

b) Nhận thức luận của pháp quyền: Dưới chế độ pháp trị người dân bầu ra cấp lãnh đạo với nhiệm kỳ nhất định. Cấp lãnh đạo thực sự là công bộc của người dân. Họ phải làm việc theo mệnh lệnh của người dân thông qua lá phiếu. Dưới chế độ pháp quyền tương quan giữa giới lãnh đạo và người dân là tương quan thống trị và bị trị. Luật pháp do giới lãnh đạo tự ý qui định, vẽ vời. Vai trò lãnh đạo không do người dân bầu ra mà do sự việc một cá nhân và/ hoặc tập đoàn cướp chính quyền hay bầu cử gian dối. Điều 4 hiến pháp 1992 của CSVN đã diễn tả đầy đủ nhận thức luận của pháp quyền CSVN *"Đảng CSVN, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Marx Lenine và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội: Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và luật pháp".*

Hiến pháp và luật pháp được nêu ra ở cuối điều 4 hiển nhiên là sản phẩm luật pháp pháp quyền. Dưới chế độ pháp quyền đảng CSVN ngồi lên trên luật pháp. Họ dành quyền tạo ra hoặc sửa đổi luật pháp ở bất kỳ hoàn cảnh nào, thời gian nào mà họ tin rằng sự tạo ra hoặc sửa đổi đó có lợi cho đảng của họ. Tình trạng này đã là đầu mối của rất nhiều chia rẽ trong xã hội. Chia rẽ trầm trọng nhất là sự ngăn cách giữa đảng viên và quần chúng.

b) Phương pháp luận của pháp quyền: Muốn lãnh đạo nhà nước và xã hội vô thời hạn theo kiểu nói của điều 4, đảng CSVN phải nắm trọn quyền

thống trị xã hội trong tay đảng. Sau đây là các điều khoản căn bản của hiến pháp 1992 giúp CSVN thực hiện tham vọng lãnh đạo tự phong và vĩnh viễn của họ.

- Điều 9, khoản 4: Là căn bản pháp lý cho phép Mặt Trận Tổ Quốc (một tổ chức của đảng CSVN) trở thành cơ quan duy nhất và toàn quyền có quyền tuyển chọn ứng cử viên cho những cuộc bầu cử quốc hội. Nói rõ hơn Quốc Hội của nước Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa là một sản phẩm do đảng CSVN độc quyền nhào nặn ra.

- Điều 84, khoản 7: Quốc Hội Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam bầu ra: Chủ Tịch Nước, Thủ tướng chính phủ, Chánh án Tòa Án Nhân Dân Tối Cao, Viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao Quốc Hội của CSVN hiển nhiên là một nồi cháo thập cẩm trong đó có đầy đủ hành pháp, lập pháp và tư pháp. Ông chủ của nồi cháo này không ai khác hơn là đảng CSVN.

- Điểu 19: cho phép đảng CSVN nắm trọn vẹn quyền lợi kinh tế của xã hội dưới tên gọi là kinh tế quốc doanh. Như vậy hiến pháp 1992 rõ ràng là công cụ thâu tóm toàn bộ quyền lợi chính trị và kinh tế của quốc gia Việt Nam vào trong nhà kho riêng và mật của đảng CSVN. Điều nghịch lý to lớn nhất là hiến pháp 1992 không hề đá động đến tổng bí thư và bộ chính trị của đảng CSVN. Phải chăng tổng bí thư và bộ chính trị bị CSVN mặc nhiên đặt ra ngoài vòng luật pháp? Trong thực tế những người bị "đặt ra ngoài vòng luật pháp" như vừa kể lại là những người có thế lực lớn nhất, hưởng bổng lộc cao nhất. Mỗi chế độ độc tài là một nghịch lý lớn. Chế độ độc tài tồn tại nhờ kỹ thuật che dấu sự nghịch lý bằng những xảo thuật chính trị. Chế độ độc tài CSVN đã để cho xảo thuật chính trị công khai xuất hiện ngay trên hiến pháp 1992. Đó là chân ý nghĩa phương pháp luận của chế độ pháp quyền CSVN.

Pháp trị (rule of law) khẳng định nhà cầm quyền phải hoàn toàn chịu sự điều hành của luật pháp: Nhà cầm quyền của luật pháp. Ngược lại, pháp quyền (rule by law) là chế độ luật pháp do nhà cầm quyền sáng chế ra để bảo vệ guồng máy độc tài: Luật pháp của nhà cầm quyền. Một nhà cầm quyền chỉ có được tính chính thống chừng nào nhà cầm quyền đó điều hành quốc gia trong khung cảnh pháp trị. Nhà cầm quyền pháp quyền kiểu CSVN hiển nhiên không thể có tính chính thống.

Vấn đề pháp trị và pháp quyền sở dĩ được đặt thành đề tài khảo sát là vì lý do được giải bày như sau: Con người có bản năng hướng thiện, khi một người hành động trái với công bằng và lẽ phải, người đó không nhiều thì ít tự nhiên cảm thấy không vui. Trạng thái cảm thấy vừa kể có tên gọi là lương tâm. Lương tâm lại được phân thành hai loại:

a/. Lương tâm làm người: Đòi hỏi mỗi người phải tôn trọng mạng sống của người khác, phải hiếu thảo với cha mẹ, phải trung thành với vợ chồng, phải thương yêu con cái, phải giữ trọn đạo làm người...

b/. Lương tâm làm dân: Hối thúc mỗi người phải đóng thuế, phải thi hành quân dịch, phải tôn trọng luật đi đường, phải tuân hành luật pháp... Lương tâm làm dân thường xuyên bị giao động trước các câu hỏi: Chế độ quân dịch có công bằng hay không? Có đẩy thanh niên đi vào cõi chết dưới bảng hiệu "nghĩa vụ quốc tế" hay không? Tiền thuế của dân có bị nhà cầm quyền biển thủ hay không? Luật pháp có chủ đích bảo vệ nhà cầm quyền hay bảo vệ người dân? Trong thực tế hai loại lương tâm kể trên hòa nhập làm một, gọi chung là lương tâm. Trong hoàn cảnh hòa nhập đó những dấu hỏi đi kèm lương tâm làm dân đã bị mờ nhạt hoặc xóa tan. Lợi dụng tình trạng hòa nhập kia nhà cầm quyền CSVN thường lớn tiếng tuyên truyền rằng: Chỉ những kẻ bất lương mới vi phạm luật pháp. Người lương hảo phải là người trọng pháp. Trọng pháp là vấn đề của lương tâm. CSVN hy vọng luận cứ tuyên truyền vừa kể có tác dụng thuyết phục mọi người tôn trọng luật pháp của CSVN. Từ đó cuộc thống trị của ban lãnh đạo đảng Cộng Sản đối với người dân Việt Nam sẽ được tiếp tục kéo dài trong êm ả và bất tận. Thực ra không người nào có thể chối bỏ nghĩa vụ trọng pháp. Tuy nhiên câu hỏi được đặt ra là: Pháp mà người dân cần phải trọng là pháp nào? Pháp trị của tự do dân chủ hay pháp quyền của độc tài tham ô? Người trọng pháp tích cực nhất, tri thức nhất chính là người phân định rõ ràng sự khác biệt giữa pháp trị và pháp quyền. Trọng pháp chỉ có nghĩa trọng pháp trị. Riêng đối với pháp quyền người trọng pháp chẳng những không trọng mà còn tìm đủ mọi phương cách để lật đổ nó, chôn vùi nó, mở đường cho chế độ pháp trị vươn mình tiến lên. Đó là nội dung trong sáng của cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ trên địa bàn pháp lý. Tự do dân chủ là điều kiện tiên quyết để cấu trúc hạch tâm của xã hội có thể ra đời và tồn tại.

V.- CÁCH MẠNG LUẬN

Nhìn vào dòng lịch sử, suy nghĩ về Nhân Văn, khảo sát kiến thiết xã hội, chúng ta thấy rằng *Nhân Chủ* bao giờ cũng là ước vọng tha thiết của loài người. Nhưng Nhân chủ không đến với chúng ta do cầu xin. Nhân chủ cũng không thể đến với chúng ta như quả sung rụng vào miệng kẻ nằm chờ dưới gốc sung. Chỉ có đấu tranh mới có thể tìm đến Nhân Chủ. Đấu tranh bao gồm: Đấu tranh với chính mình để tự thắng, đấu tranh với tà thuyết ngụy nghĩa để làm ngời sáng thắng nghĩa Duy Dân, đấu tranh với mọi thế lực chống phá xu thế sống của loài người để mở đường cho văn minh Nhân Chủ. Đấu tranh có nhiều hình thái: Tranh luận và giáo dục, chính trị và quân sự, thương thuyết và vũ lực, bí mật và công khai. Nhưng đấu tranh không bao giờ đồng nghĩa với tiêu diệt. Đấu tranh luôn luôn hàm ngụ nội dung: **Cách mạng và kiến thiết đối lập thống nhất**. Trong tương quan uyển chuyển giữa cách mạng và kiến thiết như vừa kể, cách mạng Duy Dân kiên trì nhằm ba mục tiêu:

_ Chế phục tự nhiên: Sự việc này xác nhận con người cần phải chủ động đối với tự nhiên, buộc tự nhiên qui thuận loài người. Tự nhiên có nghĩa là muôn nhiên. Muôn nhiên có khuynh hướng xáo trộn. Nhiên của loài này thường bị tấn công, bị tha hóa bởi nhiên của loài khác. Những người phạm tội ác tình dục là những người bị tha hóa bởi đời sống tính dục tự nhiên của động vật. Chế phục tự nhiên tức là vận dụng tri thức *triết, sử, khoa thống nhất* nhằm chỉnh lý mọi rối loạn của muôn nhiên. Nhiên của loài nào phải trở về đúng với nhiên của loài đó. Mặt khác nói tới rối loạn trong muôn nhiên, chúng ta không thể không nói tới môi sinh. Hãy trả bầu khí quyển quanh địa cầu trở về với đời sống tự nhiên trong lành của chính nó. Tuyệt đỉnh của chế phục tự nhiên là *tự nhiên hòa*. Chỉ với phương châm tự nhiên hòa, loài người có thể tạo quan hệ hài hòa đối với nhiều loại môi sinh khác nhau: Môi sinh thiên nhiên và môi sinh xã hội (chính trị, kinh tế, văn hóa, luật pháp).

_ Đặt định cương thường cho loài người: Cương là thép, là cứng rắn. Thường là bình dị, là uyển chuyển. *Cương là kinh, thường là quyền*. Triết học Lý Đông A đã biểu tỏ, *cương là nhân, thường là dân*. Cương thiếu thường, tư tưởng sẽ trở thành viễn mơ. Thường thiếu cương, tư tưởng không thể cất cánh, tư tưởng bế tắc. Đặt định cương thường cho loài người có nghĩa là sự diễn tả sắc nét và khoa học, thế nào là *nhân*? Thế nào là *dân*? Đồng thời nói

lên một cách tràn đầy và sinh động quan hệ nhân và dân hiểu theo nghĩa nhân là kim chỉ nam, là lương tâm của dân.

_ Cải tiến kiến trúc xã hội: Kiến trúc xã hội hiện nay là kiến trúc kim tự tháp. Kiến trúc kim tự tháp giam cầm con người trong vòng tâm sinh mệnh tự phát. Muốn tiến từ tâm sinh lý tự phát lên *tâm sinh lý tự giác*, loài người cần phải từ bỏ xã hội kim tự tháp, thay vào đó là *xã hội hạch tâm*. Xã hội hạch tâm đi kèm với giáo dục *tam nhân* (nhân bản, nhân tính, nhân chủ) là hai điều kiện căn bản để lý tưởng nhân và đời thường của dân có thể giao thoa thích nghi.

Thực hiện ba mục tiêu kể trên tức là Cách Mạng Duy Dân nỗ lực biến biện chứng Nhiên Nhân Dân thành hành động cụ thể, nỗ lực mang biện chứng Nhiên Nhân Dân vào thực tiễn đời sống. Đó là nội dung của Cách Mạng Luận. Mặt khác để hiểu rõ hơn ý nghĩa của cách mạng người ta cần phân biệt cách mạng và chính trị. Theo nghĩa thông thường, chính trị là tất cả tư tưởng và hành động nhằm thay đổi hoặc nắm giữ chính quyền. Mục tiêu của cách mạng sâu hơn, rộng hơn. Mục tiêu của cách mạng không chỉ là thay đổi chính quyền mà là thay đổi dòng sống của xã hội. Xã hội bao gồm xã hội dân tộc và xã hội nhân loại. Thay đổi dòng sống tức là làm cho dòng sống trở nên thuận xu thế và nhanh chóng tiến lên *Nhân Chủ*. Nếu thay đổi dòng sống theo kiểu làm cho dòng sống phản xu thế, động vật hơn thì không thể gọi là cách mạng, phải gọi là phản cách mạng. Cách mạng vô sản của Marx là loại phản cách mạng điển hình.

Đối tượng của cách mạng, sự khác biệt giữa cách mạng và chính trị, sự nhận chân giữa cách mạng và phản cách mạng là những vấn đề thuộc lý luận cách mạng. Bên cạnh lý luận cách mạng là hành động cách mạng. Hành động cách mạng bao giờ cũng là những tài liệu có tính cơ mật của các tổ chức cách mạng. Vả lại, chiến lược, chiến thuật của đấu tranh cách mạng trong những tình huống khác nhau của lịch sử không là trọng tâm của bài viết về tư tưởng Lý Đông A. Vì vậy tôi xin phép được chấm dứt phần Cách Mạng Luận tại đây.

Trình bày hệ thống tư tưởng của Lý Đông A nhiều khi tôi đã dùng hai chữ triết học và chủ nghĩa lẫn lộn. Một cách chính danh, tôi phải dùng chữ "chủ nghĩa". Thực vậy, chủ nghĩa gồm ba bộ phận rõ rệt:

1) Bản thể luận (Tiền đề triết học).
2) Nhận thức luận (Qui luật triết học, còn gọi là công cụ triết học).
3) Phương pháp luận (Vận dụng luận).

Chính cấu trúc ba cơ phận này đã giúp cho chủ nghĩa luôn luôn trong sáng và mạnh mẽ, luôn luôn bám sát thực tại, không bao giờ có cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Đó là tất cả lý do khiến tôi không chút dè dặt khi kết luận hệ thống tư tưởng Lý Đông A đích thực là một chủ nghĩa. Đề cập đến chủ nghĩa, nhiều người vẫn có định kiến rằng: Chủ nghĩa bao giờ cũng đưa con người vào khung, bao giờ cũng xa rời thực tại. Nhưng một mình Marx xa rời thực tại không có nghĩa là bất kỳ chủ nghĩa nào cũng xa rời thực tại. Chúng ta hãy bình tĩnh đọc từng đoạn, từng vấn đề, từng câu trong chủ nghĩa Lý Đông A, chúng ta có tìm thấy hay không một chi tiết nào đó xa rời thực tại? Tất cả những điều đã trình bày ở trên là câu trả lời "không" đối với câu hỏi vừa nêu.

Sau khi viết xong một cách khái lược toàn bộ chủ nghĩa Lý Đông A, tự nhiên tôi chạnh nhớ tới một mẩu chuyện xẩy ra vào cuối đời của Đức Thích Ca Mâu Ni: Lúc bấy giờ là lần thuyết giảng sau cùng của Đức Thích Ca trước khi Ngài viên tịch. Vừa thuyết giảng Đức Thích Ca vừa quan sát đoàn đệ tử để lượng định mức độ trầm tĩnh của mỗi người trong hoàn cảnh tử biệt sanh ly. Do quan sát như vậy, sau bài thuyết giảng Ngài quyết định chọn Ca Diếp làm trưởng tử, Ngài truyền Ca Diếp hãy vào rừng hái hoa kết thành vòng để Ngài sẽ dùng vòng hoa đó choàng vào cổ Ca Diếp trước mặt mọi người như một nghi thức tấn phong trưởng tử. Nhưng khi nhận vòng hoa từ rừng về, đôi mắt Đức Thích Ca trở nên thật buồn, thật ưu tư. Ngài vừa choàng vòng hoa vào cổ Ca Diếp, vừa bảo: *"Ta sợ rằng hậu thế sẽ hiểu lầm tư tưởng của Ta giống như những cánh hoa bị gò ép trong vòng hoa này trong khi tư tưởng đích thực của Ta trong sáng, tươi mát, linh động như những hoa tươi trong rừng..."*

Câu chuyện Đức Thích Ca và Ca Diếp tôi được nghe lần đầu cách đây trên 20 năm. Hai mươi năm qua mỗi lần nói đến vấn đề tư tưởng là mỗi lần hình ảnh hoa trong vòng và hoa trong rừng ám ảnh tôi. Lần này trình bày về tư tưởng Lý Đông A, tâm trí tôi lại bị vây chặt bởi hoa vòng và hoa rừng hơn bao giờ hết. Tôi tự biết ngòi viết của tôi còn nằm rất xa trình độ phản ảnh trung thực tư tưởng vi diệu của Lý Đông A. Tuy vậy tôi vẫn cố gắng viết, viết không với cao vọng lột tả được trọn vẹn nét vi diệu của hệ thống tư tưởng này, viết chỉ

với mục đích khiêm tốn trong sự đề nghị bạn đọc: Mỗi người hãy tự mình nghiên cứu chủ nghĩa Lý Đông A. Cuối đường của công trình tự nghiên cứu bạn đọc sẽ khám phá ra rằng:

- Chủ nghĩa Lý Đông A lấy Người làm tiền đề nên chủ nghĩa này đồng loạt giải quyết vấn đề nội bộ của mỗi dân tộc cũng như vấn đề bang giao ổn định trong xã hội quốc tế.
- Chủ nghĩa Lý Đông A uyển chuyển nhưng chặt chẽ, linh động nhưng cơ cấu. Chủ nghĩa Lý Đông A đích thực là một chủ nghĩa có khả năng vượt thắng mọi chủ nghĩa đã xuất hiện trong lịch sử triết học. Vì vậy chủ nghĩa Lý Đông A còn gọi là *Thắng Nghĩa Duy dân*.

Người theo học chủ nghĩa Lý Đông A phải tâm niệm năm điều:

+ Giác biện chứng lớn.
+ Tu tính, mệnh ta.
+ Cứu dân tộc Việt.
+ Giúp loài người yếu.
+ Cùng vũ trụ hòa.

Suy nghĩ về điều tâm niệm thứ tư (giúp loài người yếu) người ta thấy rằng: Về mặt khoa học kỹ thuật loài người mạnh bao nhiêu thì về mặt tư tưởng loài người yếu bấy nhiêu. Thế nào là yếu về mặt tư tưởng? Thưa rằng, yếu về mặt tư tưởng tức là mãi cho đến bây giờ, thế kỷ thứ 21 đã đến với chúng ta, loài người vẫn sống lẩn quẩn trong cái vòng "người nô lệ người". Ngày xưa chủ nô là kẻ trọc phú, nô lệ là những người nghèo đói. Ngày nay, chủ nô là tư bản đỏ, nô lệ là người dân cùng khổ. Chủ nô là tư bản tư nhân, nô lệ là người tiêu thụ nghiện ngập các loại sản phẩm kinh tế. Chủ nô là những kẻ tự nhận: Chỉ có tín ngưỡng của họ là duy nhất đúng, tuyệt đối đúng, nô lệ là những người bị những kẻ tôn giáo độc tôn xem là ngoại đạo, xem là đối tượng cần bị chặt đầu theo "mệnh lệnh của Thượng Đế". Hình thức nô lệ có thay đổi, nhưng bản chất nô lệ vẫn còn nguyên.

Trong thế giới điên đảo như vừa diễn tả, Lý Đông A khẳng định dân tộc Việt là dân tộc đã nhận biết được địa vị Nhân chủ của Con Người. Vị trí chủ nô và nô lệ dưới mọi hình thức ngụy trang đều phải bị triệt để bôi bỏ. Sở dĩ Lý Đông A khẳng định như vậy là vì hệ thống tư tưởng do Lý Đông A trình bày là kết quả của một công trình lớn nhằm góp nhặt, đãi lọc và hệ thống hóa tư

tưởng của dân tộc Việt Nam. Lý Đông A gọi dân tộc Việt Nam là **"tác giả vô danh"**, tác giả lớn:

"Tác giả vô danh là gốc đạo,
Noãn bào trăm trứng ấy giềng Người"
(Thơ Lý Đông A)

Đứng về mặt tư tưởng, chúng ta không nên nhìn các triết gia dưới đôi mắt phân biệt chủng tộc. Triết gia thuộc chủng tộc nào, không là điều quan trọng, miễn là tư tưởng của triết gia đó không xa rời thực tại. Tuy nhiên trong hoàn cảnh cay nghiệt của Việt sử ngày nay, sự khám phá ra dân tộc Việt là tác giả lớn của *Đạo Cả* chắc chắn phải làm cho chúng ta đặc biệt mừng rỡ, cảm động và hãnh diện. Hậu quả tất nhiên của tình cảm này là sự đoàn kết toàn dân thành một khối để phục Việt.

Đời người rất phức tạp nhưng rất cơ cấu. Vì vậy xã hội phải được xây dựng trên một chủ nghĩa. Vấn đề không còn là "loài người có cần đến chủ nghĩa hay không?". Vấn đề chỉ còn là: Tìm đâu ra một chủ nghĩa luôn luôn bám sát thực tại? Chủ nghĩa Lý Đông A chính là đáp số thích nghi, gẫy gọn, toàn diện và khoa học đối với câu hỏi vừa kể.

Điều cần nhấn mạnh ở đây là sự thể rằng: Do bị ám ảnh bởi quái tượng tư tưởng Marx, quái tượng chủ nghĩa này xa rời thực tại nên nó đã tạo ra đại khổ nạn cho loài người. Từ đó một số dư luận cho rằng chủ nghĩa và hiện tượng xa rời thực tại là một cặp bài trùng. Đặc biệt, chủ nghĩa Lý Đông A đã lấy con người làm tiền đề cho triết học. Con người là đời sống. Do đó đời sống thay đổi tới đâu, triết học Lý Đông A với sự chỉ đạo của tiền đề con người sẽ thay đổi tới đó. Từ đó Thắng Nghĩa Duy Dân không bao giờ xa rời thực tại.

Chủ nghĩa Lý Đông A quả thật là "Chìa Khóa Vàng của tư tưởng". Chúng ta hãy cầm lấy chìa khóa vàng của người Việt. Chúng ta hãy dùng chìa khóa kia để phục hưng dân tộc, để đưa dẫn loài người vượt thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn của các loại nô lệ: Nô lệ thô thiển cũng như nô lệ tinh vi, nô lệ chính trị cũng như nô lệ kinh tế, nô lệ tôn giáo cũng như nô lệ những thói hư tật xấu của con người vong thân./.

Đỗ Thái Nhiên
(*dothainhien@gmail.com*)